TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Mai Văn Thanh.

2/Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, về việc: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Võ Thị L,** sinh năm: 1970.

- *Bị đơn*: **Phan Văn H,** sinh năm: 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Bà L, ông H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Võ Thị L trình bày: Bà và ông H cưới nhau năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc hơn 20 năm, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và ông H hay cải vả nhau, đôi lần ông H nhục mạ và đánh bà. Hơn 04 năm nay bà đã nhường nhịn để lo cho hạnh phúc gia đình nhưng ông H không thay đổi. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn H.

-Về con chung: Có 04 con chung tên Phan Thị Mỹ L - sinh năm 1988, Phan Thị Mỹ N - sinh năm 1988, Phan Thị Mỹ D - sinh năm 1990 và Phan Đình H - sinh năm 1995, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông Phan Văn H trình bày: Ông và bà L cưới nhau năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ thường xuyên xuống nhà chị ruột, anh rễ ở, không quan tâm chăm sóc gia đình, ông không muốn nên đã có hành vi đánh đập bà. Vợ chồng ly thân gần 7 năm. Nay, bà L yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

-Về con chung: Như bà L trình bày, hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 1.581m^2 đất vườn tạp do bà L đứng tên quyền sử dụng đất, phần tài sản này tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Phan Văn H thống nhất cưới nhau vào năm 1988, hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án bà L và ông H đồng ý thuận tình ly hôn, nhưng do bà L và ông H không có đăng ký kết hôn nên vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1…..

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Do đó không công nhận bà L và ông H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà L và ông H thống nhất có 04 con chung tên Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1988, Phan Thị Mỹ N, sinh năm 1989, Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1990 và Phan Đình H, sinh năm 1995, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà L, ông H thống nhất không có.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị L và ông Phan Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Hiện đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L, ông H thống nhất không có.

- Về án phí: Bà Võ Thị L nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01657 ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS Huyện;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Ngọc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Kim Oanh